

Phần 2

KẾT QUẢ CHỦ YẾU

I. LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

Lực lượng lao động (LLLĐ) là bộ phận dân số cung cấp hoặc sẵn sàng cung cấp sức lao động cho sản xuất của cải vật chất và dịch vụ. LLLĐ còn có tên gọi khác là “Dân số hoạt động kinh tế”. Trong báo cáo phân tích này, LLLĐ bao gồm những người đang làm việc từ 15 tuổi trở lên và thất nghiệp từ 15 tuổi trở lên trong tuần nghiên cứu.

1. Quy mô và phân bố lực lượng lao động

Vào thời điểm điều tra 1/7/2010, cả nước có 50,8 triệu người từ 15 tuổi trở lên thuộc lực lượng lao động, chiếm 58,5% tổng dân số, bao gồm 49,5 triệu người có việc làm và 1,3 triệu người thất nghiệp. Trong tổng số lực lượng lao động của cả nước, nữ giới chiếm tỷ trọng thấp hơn nam giới (48,6% nữ giới so với 51,4% nam giới) (Biểu 1.1). Theo kết quả Tổng điều tra dân số, trong vòng 30 năm qua, tỷ trọng nữ giới chiếm trong lực lượng lao động thay đổi rất ít (TĐT 1989: 48,8%; TĐT 1999: 48,2%, TĐT 2009: 48%)¹

Tỷ trọng nữ trong lực lượng lao động chênh lệch không đáng kể giữa thành thị và nông thôn, nhưng thay đổi từ mức thấp nhất là 45,7% ở Đồng bằng sông Cửu Long lên mức cao nhất là 50,6% ở Đồng bằng sông Hồng. Số liệu cho thấy, có sự ngược chiều về mức độ tham gia vào lực lượng lao động giữa hai giới ở hai vùng đồng bằng lớn của nước ta. Trong khi ở Đồng bằng sông Cửu Long, nữ giới chiếm tỷ trọng thấp hơn đáng kể so với nam giới (45,7% so với 54,3%), thì ở Đồng bằng sông Hồng tỷ trọng đó gần như cân bằng giữa nữ giới và nam giới (50,6% so với 49,4%). Nguyên nhân là do nhiều phụ nữ ở khu vực phía Nam (vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ) chủ yếu làm công việc nội trợ, không tham gia hoạt động kinh tế.

Trong vòng ba thập kỷ qua, mặc dù có sự tăng lên đáng kể về tỷ trọng lực lượng lao động khu vực thành thị, nhưng đến năm 2010, gần ba phần tư (72%) lực lượng lao động nước ta tập trung ở khu vực nông thôn.

Trong 6 vùng kinh tế-xã hội, gần hai phần ba lực lượng lao động (64,5% tổng lực lượng lao động của cả nước) tập trung ở 3 vùng là Đồng bằng sông Hồng, Bắc

¹ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009: Các kết quả chủ yếu, Chương 8. Hà Nội, 2010.

Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, và Đồng bằng sông Cửu Long. Như vậy, khu vực nông thôn và 3 vùng kinh tế - xã hội này là những nơi cần có các chương trình khai thác nguồn lực lao động, tạo việc làm và đào tạo nghề trong những năm tới.

BIỂU 1.1: SỐ LƯỢNG VÀ PHÂN BỐ LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG CHIA THEO GIỚI TÍNH, THÀNH THỊ/NÔNG THÔN VÀ CÁC VÙNG KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2010

Nơi cư trú/các vùng kinh tế - xã hội	Lực lượng lao động (<i>Ngàn người</i>)	Tỷ trọng (%)			% Nữ
		Tổng số	Nam	Nữ	
Toàn quốc	50 837,3	100,0	100,0	100,0	48,6
Thành thị	14 231,0	28,0	28,6	27,4	47,6
Nông thôn	36 606,2	72,0	71,4	72,6	49,0
Các vùng kinh tế - xã hội					
Trung du và miền núi phía Bắc	6 942,0	13,7	13,3	14,1	50,0
Đồng bằng sông Hồng	11 554,5	22,7	21,8	23,7	50,6
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	11 040,7	21,7	21,3	22,1	49,5
Tây Nguyên	2 957,5	5,8	5,9	5,8	48,2
Đông Nam Bộ	8 124,6	16,0	16,4	15,5	47,2
Đồng bằng sông Cửu Long	10 218,0	20,1	21,2	18,9	45,7

2. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động

Biểu 1.2 trình bày tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của cả nước, thành thị, nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội.

Năm 2010, trong tổng số 65,7 triệu người từ 15 tuổi trở lên có hơn ba phần tư (77,4%) tham gia lực lượng lao động. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động chênh lệch đáng kể giữa nam và nữ (82,0% so với 73,0%), và không đồng đều giữa các vùng.

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động năm 2010 của dân số khu vực nông thôn cao hơn khu vực thành thị tới 11,5 điểm phần trăm (81,0% so với 69,5%). Cả nam giới và nữ giới đều có sự chênh lệch này, song mức độ chênh lệch của nữ giới lớn hơn của nam giới.

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động thay đổi từ mức thấp nhất là 71,4% ở miền Đông Nam Bộ lên mức cao nhất là 84,3% ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Đáng chú ý, trong khi tỷ lệ tham gia lực lượng lao động cao nhất ở hai vùng miền núi là Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên (83,3%), thì nó lại thấp

nhất ở hai vùng kinh tế phát triển nhất là Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng với các tỷ lệ tham gia lực lượng lao động tương ứng là 71,4% và 75,6%. Một nét đáng chú ý nữa là tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nữ thấp nhất đều ở hai vùng thuộc miền Nam (Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long). Số liệu cho thấy, ở cả 6 vùng kinh tế - xã hội, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nữ giới đều thấp hơn nam giới. Mức chênh lệch tỷ lệ tham gia lực lượng lao động giữa nam giới và nữ giới tăng dần từ Bắc vào Nam, Trung du và miền núi phía Bắc có mức chênh lệch thấp nhất là 2,8% và Đồng bằng sông Cửu Long có mức chênh lệch lớn nhất là 16,6%. Đặc điểm này lại một lần nữa khẳng định xu hướng ở miền Nam có nhiều phụ nữ tham gia công việc nội trợ gia đình, không tham gia hoạt động kinh tế.

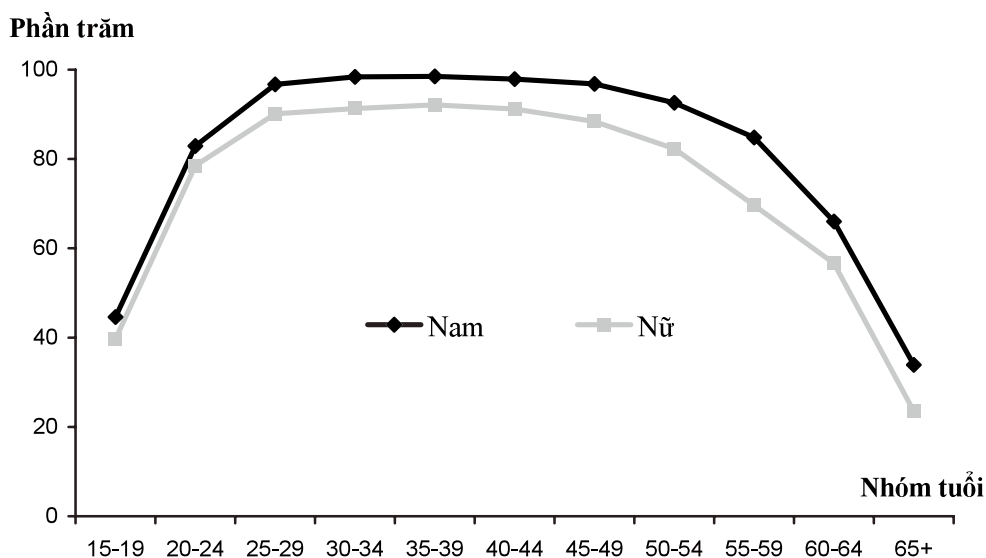
BIỂU 1.2: TỶ LỆ THAM GIA LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG CHIA THEO GIỚI TÍNH, THÀNH THỊ/NÔNG THÔN VÀ CÁC VÙNG KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2010

Đơn vị tính: Phần trăm

Nơi cư trú/các vùng kinh tế - xã hội	Tổng số	Nam	Nữ	Chênh lệch nam – nữ
Toàn quốc	77,4	82,0	73,0	9,0
Thành thị	69,5	75,5	63,8	11,7
Nông thôn	81,0	84,9	77,2	7,7
Các vùng kinh tế - xã hội				
Trung du và miền núi phía Bắc	84,3	85,8	83,0	2,8
Đồng bằng sông Hồng	75,6	77,4	74,0	3,4
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	78,3	81,8	75,0	6,8
Tây Nguyên	83,3	86,5	80,1	6,4
Đông Nam Bộ	71,4	79,1	64,3	14,8
Đồng bằng sông Cửu Long	77,6	86,1	69,5	16,6

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động đặc trưng theo tuổi và giới tính là một trong những số đo tin cậy về xu hướng thay đổi hoạt động kinh tế, vì nó độc lập với cơ cấu tuổi và giới tính của dân số. Hình 1.1 cho thấy, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nữ thấp hơn nam ở tất cả các nhóm tuổi. Mức chênh lệch tỷ lệ tham gia lực lượng lao động giữa nam giới và nữ giới cao nhất ở nhóm 55-59 tuổi là 15,2%. Nguyên nhân là do tuổi về hưu của phụ nữ là 55 tuổi và sau khi về hưu phụ nữ thường không tiếp tục tham gia vào hoạt động kinh tế.

HÌNH 1.1: TỶ LỆ THAM GIA LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG
ĐẶC TRƯNG THEO TUỔI VÀ GIỚI TÍNH NĂM 2010

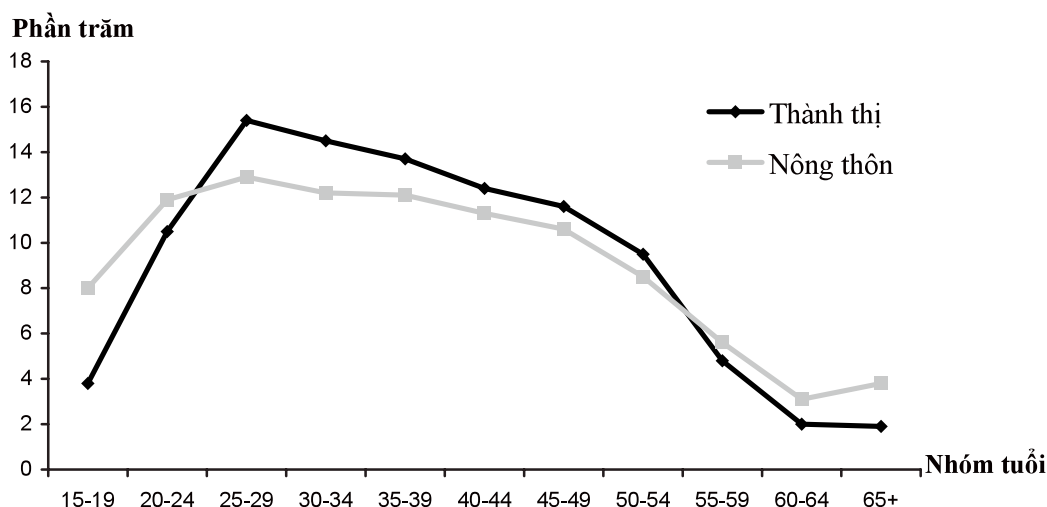


3. Đặc trưng của lực lượng lao động

a. Tuổi

Có sự khác nhau đáng kể về phân bố lực lượng lao động theo tuổi giữa khu vực thành thị và nông thôn. Tỷ lệ phần trăm lực lượng lao động nhóm tuổi trẻ (15-24) và già (55 tuổi trở lên) của khu vực thành thị thấp hơn của khu vực nông thôn. Ngược lại, đối với nhóm tuổi lao động chính (25-54) thì tỷ lệ này của thành thị lại cao hơn của khu vực nông thôn (Hình 1.2). Điều này cho thấy, người lao động ở khu vực thành thị tham gia vào lực lượng lao động muộn hơn và ra khỏi lực lượng lao động sớm hơn so với người lao động ở khu vực nông thôn. Lý do chính giải thích đặc điểm này là do nhóm dân số trẻ ở khu vực thành thị có thời gian đi học dài hơn và người lớn tuổi ở khu vực thành thị nghỉ làm việc sớm hơn so với khu vực nông thôn (những người về hưu ở khu vực thành thị thường không tiếp tục tham gia vào hoạt động kinh tế). Hình 1.2 cũng cho thấy, nước ta có một lực lượng lao động trẻ, một nửa (50,5%) số người thuộc lực lượng lao động trong độ tuổi từ 20-39.

HÌNH 1.2: TỶ TRỌNG LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG CHIA THEO NHÓM TUỔI VÀ NƠI CƯ TRÚ NĂM 2010



b. Trình độ chuyên môn kỹ thuật

Kết quả điều tra Lao động Việc làm năm 2010 cho thấy tỷ trọng lao động đã qua đào tạo ở nước ta vẫn còn thấp. Trong tổng số 50,8 triệu người từ 15 tuổi trở lên thuộc lực lượng lao động của cả nước, chỉ có hơn 7,4 triệu người đã được đào tạo, chiếm 14,7% tổng lực lượng lao động. Như vậy, nguồn nhân lực của nước ta trẻ và dồi dào nhưng trình độ tay nghề và chuyên môn kỹ thuật thấp. Hiện cả nước có hơn 43,2 triệu lao động (chiếm 85,3% lực lượng lao động) chưa được đào tạo để đạt một trình độ chuyên môn kỹ thuật (CMKT) nào đó. Con số này đặt ra nhiệm vụ nặng nề cho những cố gắng nhằm nâng cao chất lượng nguồn lực lao động phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta.

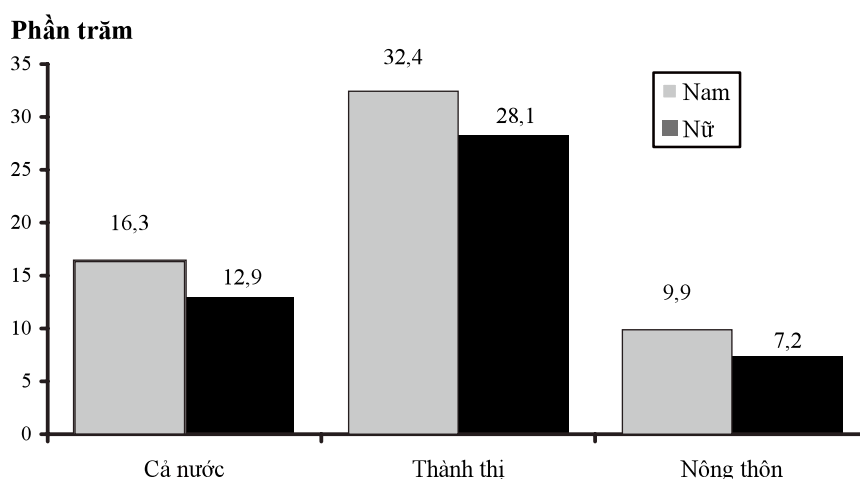
BIỂU 1.3: TỶ TRỌNG LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG ĐÃ QUA ĐÀO TẠO CHIA THEO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT, THÀNH THỊ/NÔNG THÔN VÀ CÁC VÙNG KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2010

Đơn vị tính: Phần trăm

Nơi cư trú/các vùng kinh tế - xã hội	Tổng số	Không có CMKT	Dạy nghề	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học trở lên
Toàn quốc	100,0	85,3	3,8	3,5	1,7	5,7
Thành thị	100,0	69,6	6,4	5,7	2,9	15,4
Nông thôn	100,0	91,4	2,9	2,6	1,2	1,9
Các vùng kinh tế - xã hội						
Trung du và miền núi phía Bắc	100,0	86,5	3,6	4,6	2,0	3,3
Đồng bằng sông Hồng	100,0	79,1	6,6	4,2	2,0	8,1
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	100,0	87,1	3,0	3,8	1,8	4,3
Tây Nguyên	100,0	89,5	1,9	3,3	1,7	3,6
Đông Nam Bộ	100,0	80,6	4,4	2,8	1,8	10,4
Đồng bằng sông Cửu Long	100,0	92,2	1,8	2,1	1,1	2,9

Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo cao nhất là ở Đồng bằng sông Hồng (20,9%) và thấp nhất là ở Đồng bằng sông Cửu Long (7,8%). Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của nam cao hơn nữ (Hình 1.3). Tỷ trọng lực lượng lao động có trình độ đại học trở lên khác nhau đáng kể giữa các vùng. Vùng có tỷ trọng này cao nhất là Đông Nam Bộ (10,4%), tiếp đến là Đồng bằng sông Hồng (8,1%). Đáng chú ý là Đồng bằng sông Cửu Long - vựa lúa lớn nhất cả nước, lại là vùng có tỷ trọng lực lượng lao động có trình độ đại học trở lên thấp nhất (2,9%).

HÌNH 1.3: TỶ TRỌNG LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG ĐÃ QUA ĐÀO TẠO CHIA THEO THÀNH THỊ/NÔNG THÔN VÀ GIỚI TÍNH NĂM 2010



So sánh kết quả Điều tra lao động và việc làm từ năm 2007 đến nay cho thấy lao động đã qua đào tạo có trình độ từ đại học trở lên tăng và hiện ở mức khoảng 5,7% (năm 2010), trong khi đó tỷ trọng lao động đã qua đào tạo trình độ dạy nghề và trung cấp đang có xu hướng giảm.

BIỂU 1.4: TỶ TRỌNG LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG ĐÃ QUA ĐÀO TẠO CHIA THEO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT THỜI KỲ 2007- 2010

Đơn vị tính: Phần trăm

Trình độ chuyên môn kỹ thuật	Điều tra		
	1/8/2007	1/9/2009	1/7/2010
Tổng số	17,7	17,6	14,7
Dạy nghề	5,3	6,3	3,8
Trung cấp chuyên nghiệp	5,6	4,4	3,5
Cao đẳng	1,9	1,7	1,7
Đại học trở lên	4,9	5,2	5,7

Việt Nam đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng. Việc tận dụng “cơ cấu dân số vàng” để tạo cơ hội cho phát triển kinh tế - xã hội đã và đang nhận được rất

nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách. Chính vì vậy, để tạo ra một lực lượng lao động vàng trong thời kỳ này, chúng ta cần xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội nhằm tận dụng hiệu quả cơ hội vàng của dân số cho phát triển, tập trung vào cải cách và điều chỉnh hệ thống đào tạo đại học, đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật hướng đến thị trường nhằm tạo ra một lực lượng lao động kỹ thuật có tay nghề, có trình độ chuyên môn thỏa mãn nhu cầu lao động có kỹ năng của các doanh nghiệp.